

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ - ST

Ngày 09/7/2021.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Đinh Duy Q.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh M - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2020/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không.

Trú tại: Tổ dân phố Y, phường B, quận H, thành phố H.

Bị đơn: Anh Vũ Đại T, sinh năm 1971, tên gọi khác: Không.

Trú tại: Thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị T vắng mặt - Có đơn xin xử vắng mặt. Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Vũ Đại T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G vào ngày 12/5/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn Vũ Đại, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau nên thường xuyên xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Anh T luôn có hành vi bạo lực đánh đập tôi khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên đến tháng 9/2019 tôi đã đưa con về phường Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để sinh sống, làm việc và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ

chồng không còn nên tôi đề nghị Toà án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Đại T.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau một con chung là cháu Vũ Ngọc Trúc Q, sinh ngày 12/10/2018. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với tôi. Khi ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 12/4/2021 và biên bản hoà giải ngày 12/4/2021, bị đơn anh Vũ Đại T trình bày: Tôi và cô Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2015. Quá trình chung sống với nhau, cả hai nhận thấy hoà hợp và muốn gắn bó lâu dài với nhau nên đến năm 2018 cả hai quyết định đi đến đăng ký kết hôn với nhau và được UBND xã G, huyện G cấp đăng ký kết hôn vào ngày 12/5/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi đã chung sống với nhau tại thôn Vũ Đại, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, được hai bên gia đình đồng tình hoà thuận. Đến cuối năm 2019 do vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ do không hiểu nhau và bị tác động từ bên ngoài nên vợ tôi đã ôm con bỏ đi. Tôi đã đi tìm vợ con và có đến nhà bố mẹ, anh em bên ngoại nói chuyện. Sau khi biết chỗ cô T và con ở tôi vẫn thường xuyên đến thăm con. Từ cuối năm 2020 đến nay tôi đã không được gặp con và mất hết thông tin về vợ con tôi. Vợ tôi và gia đình bên ngoại chặn hết thông tin. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng tôi chỉ là nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn, tôi vẫn còn yêu thương vợ con nên tôi không đồng ý ly hôn với cô T, tôi đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng tôi quay về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau một con chung là cháu Vũ Ngọc Trúc Q, sinh ngày 12/10/2018 đúng như cô T đã trình bày. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với cô T. Do không đồng ý vợ chồng ly hôn nên tôi không đề nghị gì về con chung. Nếu phải ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu cô T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu gì.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2021, chính quyền địa phương nơi anh Vũ Đại T cư trú cho biết: Anh Vũ Đại T và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn với nhau hợp pháp tại UBND xã G, huyện G vào ngày 12/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống với nhau tại thôn Vũ Đại, xã G, huyện G. Trong thời gian chung sống, giữa anh T và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do anh T có lối sống gia trưởng, độc đoán, thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị T khiến mẹ con chị T phải bỏ đi nơi khác sinh sống. Bản thân anh T trước khi kết hôn với chị T cũng đã có hai đời vợ nhưng đều chung sống không hạnh phúc và đã ly hôn với nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã thật sự trầm trọng, cơ hội vợ chồng về đoàn tụ với nhau là rất thấp. Đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Về con chung: Anh T và chị T có một con chung là cháu Vũ Ngọc Trúc Q, sinh ngày 12/10/2018. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn

với nhau chị T đã đưa con đi nơi khác sinh sống và làm việc. Do cháu Q còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Toà án xem xét việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu bé không bị ảnh hưởng khi bố mẹ ly hôn với nhau.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đại T; Về con chung đề nghị giao cháu Vũ Ngọc Trúc Q cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; Về án phí: Chị T phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vũ Đại T có địa chỉ tại thôn Vũ Đại, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đại T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống với nhau tại thôn Vũ Đại, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân qua xác minh tại cơ sở là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có lối sống gia trưởng, độc đoán, thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi có hành vi bạo lực với chị T nên chị T đã phải đưa con đến phường Biên Giang, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để sinh sống và làm việc, vợ chồng thực tế đã sống ly thân hơn một năm. Phía chị T khẳng định không còn tình cảm thương yêu với anh T nữa. Bản thân anh T tuy nói rằng mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ nhặt và vẫn còn yêu thương chị T nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần thì anh T chỉ lên Tòa tham gia một buổi hoà giải ngày 12/4/2021. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng vắng mặt dù đã được triệu tập hợp

lệ. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đại T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đại T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Đại T có một con chung là cháu Vũ Ngọc Trúc Q, sinh ngày 12/10/2018. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị T. Xét thấy hiện nay cháu Q còn nhỏ và đang sinh sống cùng chị T rất ổn định. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Q nên cần giao cháu Vũ Ngọc Trúc Q cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T cũng không có yêu cầu đề nghị gì nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Vũ Đại T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Trúc Q cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Vũ Đại T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000171, ngày 19/11/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- *Toà án tỉnh N;*
- *VKS huyện G;*
- *Chi cục THADS G;*
- *UBND xã G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, Vp.*

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q